

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 19/01/2026

Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Khởi

2. Ông Danh SĩPhal

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huyền Giao – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – An Giang: Ông Phạm Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 63/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2025/QĐXX-TA ngày 12 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 110/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1979. Có mặt
Địa chỉ: Ấp C, xã V, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Phan Văn Mười H, sinh năm 1972 Vắng mặt
Địa chỉ: Ấp C, xã V, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04/9/2025 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Tôi và anh Phan Văn Mười H tự tìm hiểu yêu thương nhau cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/7/2004 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng có nhiều quan điểm không hợp nhau, dẫn đến bất đồng ý kiến, đến tháng 09 năm 2025 vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên tôi yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn Mười H.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung: 1/Phan V, sinh ngày 21/12/2002 giới tính nam. 2/Phan V, sinh ngày 06/02/2010 giới tính nam. Hiện nay cháu Phan Vĩ K đã trưởng thành bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu K1 đang sống với ông H, bà T đồng ý để ông H nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/12/2025 bị đơn ông Phan Văn Mười H có ý kiến trình bày.

Ông cho rằng không đồng ý theo ý kiến của bà Trần Thị T, bà T muốn làm gì thì làm, vợ chồng có 02 con chung: 1/Phan V, sinh ngày 21/12/2002 giới tính nam. 2/ Phan Vĩ K1, sinh ngày 06/02/2010 giới tính nam hiện nay đang sống với ông, ông đồng ý nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con, Về tài sản , nợ: Vợ chồng không có tài sản, không nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền*: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung với bị đơn ông Phan Văn Mười H. Đây là tranh chấp việc ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tố tụng: Ông Phan Văn Mười H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Phan Văn Mười H là đúng quy định tại Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. *Về hôn nhân*: Bà Trần Thị T và ông Phan Văn Mười H tự tìm hiểu yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/7/2004 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu tương đối hạnh phúc, đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng

không còn, đến tháng 09 năm 2025 bà T, ông H sống ly thân cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông H và bà T là những mâu thuẫn thường gặp trong cuộc sống vợ chồng, đáng lẽ ra ông, bà phải tạo điều kiện góp ý trao đổi, sửa chữa sai lầm khuyết điểm để hàn gắn tình cảm xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy các con chung, nhưng ở đây ông H, bà T không làm được điều đó, mà lại sống ly thân nhau làm cho mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, do đó nghĩ nên cho bà T được ly hôn với ông H là đúng theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung*: Vợ chồng bà T và ông H có với nhau 02 con chung; 1/Phan Vĩ Kiện, sinh ngày 21/12/2002 giới tính nam. 2/ Phan Vĩ K1, sinh ngày 06/02/2010 giới tính nam. Hiện nay cháu Phan Vĩ K đã khôn lớn không yêu cầu Tòa án giải quyết, Cháu Phan Vĩ K1 hiện đang sống với ông H, bà T đồng ý giao cháu K1 cho ông H nuôi dưỡng, ông H vẫn đồng ý nuôi cháu K1, cháu K1 có nguyện vọng sống với cha, Do đó nghĩ nên giao cháu Phan Vĩ K1 cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. *Về tài sản chung, nợ*: Bà T cho rằng vợ chồng tự thỏa thuận, ông H cho rằng không có tài sản chung, vợ chồng khẳng định không có nợ ai. Nhưng vợ chồng ông H, bà T không ai yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Đại diện Viện kiểm sát ý kiến: Về tố tụng: Thẩm Phán – Hội đồng xét xử -Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Bị đơn ông Phan Văn M Hai vắng mặt tại phiên tòa không lý do, Bị đơn ông H không thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70,72 Bộ luật tố tụng năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho bà T được ly hôn với ông Phan Văn Mười H. Về con chung: Cháu K đã khôn lớn, bà T không yêu cầu, nên không xem xét. Giao cháu K1 cho ông Mười H tiếp tục nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi con do ông T không yêu cầu, nên M1 xét. Về tài sản, nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét. Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm xin ly hôn*: Căn cứ vào Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ tiền án phí tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002424 ngày 25/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà T không phải nộp thêm. Ông Phan Văn Mười H không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T.

[1] Cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Phan Văn Mười H.

[2] Về con chung: Vợ chồng bà T và ông H có với nhau 02 con chung; 1/Phan Vĩ Kiện, sinh ngày 21/12/2002 giới tính nam. 2/ Phan Vĩ K1, sinh ngày 06/02/2010 giới tính nam. Hiện nay cháu Phan Vĩ K đã khôn lớn các đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Giao cháu Phan Vĩ K1, sinh ngày 06/02/2010 giới tính nam cho ông Phan Văn M Hai tiếp tục nuôi dưỡng, bà Trần Thị T không cấp dưỡng nuôi con, do ông Phan Văn Mười H không yêu cầu.

Bà Trần Thị T có quyền lui tới thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở.

[3]. *Về tài sản chung, nợ*: Bà T cho rằng vợ chồng tự thỏa thuận, ông H cho rằng không có tài sản chung, vợ chồng khẳng định không có nợ ai. Nhưng vợ chồng ông H, bà T không ai yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[4]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Căn cứ vào Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ tiền án phí tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002424 ngày 25/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà T không phải nộp thêm. Ông Phan Văn Mười H không phải nộp án phí.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phan Văn Mười H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (niêm yết) bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Viện kiểm sát ND Khu vực 6

- Phòng Thi hành án DS Khu vực 6;

- UBND xã nơi đăng ký kết hôn

- Các đương sự;

- Lưu: Hồ sơ.

Nguyễn Tấn Lợi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng K2; Danh SĩPhal Nguyễn Tấn L

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- *Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;*
- *Viện kiểm sát ND Khu vực 6*
- *Phòng Thi hành án DS Khu vực 6;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ.*

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn L

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Tấn Đ; Nguyễn Hoàng Hồ Nguyễn Tấn L1

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- *Viện kiểm sát ND H. U Minh Thượng;*

- *Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;*

- *Các đương sự;*

- *Lưu: Hồ sơ.*

Nguyễn Tấn Lợi